



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2403/20

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bát Tràng

Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh

Số lượng mẫu : 01

Ngày nhận mẫu : 14/03/2024

Ngày phân tích : 14/03/2024 đến 05/04/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích		Phương pháp phân tích
			BT	QCVN 01-1:2018/BYT	
1.	pH	-	6,99	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,33	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-CI-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

- Dấu "-": Không quy định

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà

Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2403/21

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bát Tràng đầu mạng cấp

Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh

Số lượng mẫu : 01

Ngày nhận mẫu : 14/03/2024

Ngày phân tích : 14/03/2024 đến 05/04/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN	Phương pháp phân tích
			BT-NM1	01-1:2018/BYT	
1.	pH	-	7,02	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,37	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-CI-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7.(*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8.(*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà

Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2403/22

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Bát Tràng cuối mạng cấp

Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh

Số lượng mẫu : 01

Ngày nhận mẫu : 14/03/2024

Ngày phân tích : 14/03/2024 đến 05/04/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN	Phương pháp phân tích
			BT-NM2	01-1:2018/BYT	
1.	pH	-	6,99	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,30	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà

Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2403/23

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Giang Cao
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 14/03/2024
Ngày phân tích : 14/03/2024 đến 05/04/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích		Phương pháp phân tích
			GC	QCVN 01-1:2018/BYT	
1.	pH	-	7,48	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,25	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-CI-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2403/24

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Giang Cao đầu mạng cấp

Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh

Số lượng mẫu : 01

Ngày nhận mẫu : 14/03/2024

Ngày phân tích : 14/03/2024 đến 05/04/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN	Phương pháp phân tích
			GC-NM1	01-1:2018/BYT	
1.	pH	-	7,49	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,29	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-CI-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện

- Dấu "-": Không quy định

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ



PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2403/25

Đơn vị gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI
Địa chỉ : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ lấy mẫu : Trạm cấp nước Giang Cao cuối mạng cấp
Tình trạng mẫu : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : 01
Ngày nhận mẫu : 14/03/2024
Ngày phân tích : 14/03/2024 đến 05/04/2024

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
			GC-NM2		
1.	pH	-	7,45	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,23	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-CI-G:2017
3.	Độ đục	NTU	<0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	<5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	<0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/ 100mL	KPH (LOD=1)	< 3	TCVN 6187-1:2019
8. (*)	E.Coli		KPH (LOD=1)	< 1	

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

Hà Nội, ngày 05 tháng 04 năm 2024

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

QA/QC

Phạm Thị Trà

TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU
VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CAO

Bùi Quang Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
2. Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ cao
3. Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu. 5. Các chỉ tiêu đánh dấu (**) chưa được công nhận
4. Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả. 6. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ